

Kiên Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2021

Số: 4117/BC-BQL

**BÁO CÁO**  
**Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công**  
**Tháng 04/2021**

Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, như sau:

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

**I. TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN:**

Năm 2021 tổng vốn Ban quản lý dự án thực hiện là **380.296 triệu đồng**, trong đó vốn 2021 là 345.234 triệu đồng, vốn chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 là 35.062 triệu đồng. **Hiện đã giải ngân 7.290/380.296 triệu đồng đạt 1,92%**

**1. Tình hình giải ngân vốn bố trí mới năm 2021**

Năm 2021 tổng vốn Ban quản lý dự án thực hiện là **345.234 triệu đồng** (trong đó: nguồn XSKT 250.000 triệu đồng, CĐNSĐP 2.000 triệu đồng, sử dụng đất 50.000 triệu đồng, Trung ương 43.234 triệu đồng). Đến thời điểm báo cáo đã giải ngân **7.290/345.234 triệu đồng đồng đạt 2,11% kế hoạch**, cụ thể từng lĩnh vực:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Lĩnh vực ngành	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện giải ngân đến 15/4/2021	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Y tế	210.000	3.377	1,61
2	Lao động thương binh và xã hội	30.000	-	-
3	Văn hóa & Thể thao	53.234	3.164	5,94
4	Du lịch	50.000	589	1,18
5	Sở nội vụ (Ủy thác)	2.000	160	8,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>345.234</b>	<b>7.290</b>	<b>2,11</b>

\* Nguồn Vốn sự nghiệp môi trường (Theo hợp đồng ủy thác số 01/2020/HĐ-UTQLDA ngày 19/8/2020 ký giữa Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh

Kiên Giang) là 40.873 triệu đồng, đã giải ngân 0/40.873 triệu đồng đồng đạt 0% kế hoạch.

## 2. Tình hình giải ngân vốn chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021

Vốn chuyển nguồn là 35.062 triệu đồng (trong đó: nguồn XSKT 27.516 triệu đồng, CDNSDP 7.546 triệu đồng). Đến thời điểm ngày 15/4 đã giải ngân 0/35.062 triệu đồng đạt 0% kế hoạch, cụ thể từng lĩnh vực:

STT	Lĩnh vực ngành	Chuyển nguồn 2019 sang 2020	Thực hiện giải ngân đến 15/4/2021	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Y tế	26.186	-	-
2	Lao động thương binh và xã hội	4.813	-	-
3	Văn hóa & Thể thao	891	-	-
4	Thông tin và Truyền thông	68	-	-
5	Giáo dục & Đào tạo	1.476	-	-
6	Trường Cao đẳng Kiên Giang	1.628	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>35.062</b>	-	-

## 3. Ước thực hiện kế hoạch vốn:

\* Ước thực hiện kế hoạch vốn nguồn năm 2021 đến 30/4/2021 giải ngân đạt 14,34% cụ thể từng lĩnh vực như sau:

STT	Lĩnh vực ngành	Kế hoạch năm 2021	Ước giải ngân đến 30/4/2021	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Y tế	210.000	31.000	14,76
2	Lao động thương binh và xã hội	30.000	6.000	20,00
3	Văn hóa & Thể thao	53.234	7.000	13,15
4	Du lịch	50.000	4.000	8,00
5	Sở nội vụ	2.000	1.500	75,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>345.234</b>	<b>49.500</b>	<b>14,34</b>

\* Ước thực hiện vốn chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 đến 30/4/2021 giải ngân đạt 92,57%, cụ thể từng lĩnh vực như sau:

STT	Lĩnh vực ngành	Chuyển nguồn 2019 sang 2020	Ước giải ngân đến 30/4/2021	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Y tế	26.186	26.186	100,00
2	Lao động thương binh và xã hội	4.813	2.207	45,85
3	Văn hóa & Thể thao	891	891	100,00

4	Du lịch	68	68	100,00
5	Sở nội vụ	1.476	1.476	100,00
6	Trường Cao đẳng Kiên Giang	1.628	1.628	100,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>35.062</b>	<b>32.456</b>	<b>92,57</b>

## II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI CÔNG XÂY DỰNG:

### 1. Lĩnh vực Y tế:

Năm 2021 được bố trí vốn thực hiện 04 dự án gồm: (1) Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng; (2) Trung tâm y tế huyện Giang Thành; (3) Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường; (4) Đầu tư thiết bị, phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang.

### 2. Lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội:

Năm 2021 được bố trí vốn thực hiện 02 dự án: (1) Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang; (2) Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm Phú Quốc.

### 3. Lĩnh vực Văn hóa thể thao

Năm 2021 được bố trí vốn thực hiện 02 dự án: (1) Trung tâm triển lãm văn hoá nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hoá tỉnh (Bảo tàng tỉnh); (2) Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020.

### 4. Lĩnh vực Du lịch

Năm 2021 được bố trí vốn thực hiện 03 dự án: (1) Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Thuận – mộ chị Sứ); (2) Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch cây Gòn (đoạn cây Gòn – kênh 14); (3) Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo).

### 5. Lĩnh vực Nội vụ

Thực hiện 01 dự án gồm: (1) Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang.

### 6. Ban Dân tộc (Vốn sự nghiệp môi trường)

Thực hiện 01 dự án gồm: (1) Cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại Chùa thứ ba.

*(tiến độ thực hiện theo phụ lục 1 đính kèm)*

## III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

- Ban quản lý dự án đang thực hiện quản lý các công trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị. Đối với các công trình đang thực hiện thiết kế thi công và dự toán như: Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng; các công trình thực hiện điều chỉnh dự án như: Bệnh viện Sản – Nhi Kiên Giang, Trung tâm Y tế huyện Giang Thành và các dự án thực hiện đầu tư mới năm 2021 chưa được ủy thác nên Ban quản lý dự án không có cơ sở thực hiện.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công

nghiệp tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công theo các nội dung trên. Đề nghị các Chủ đầu tư tổng hợp báo cáo cho UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các Chủ đầu tư: SYT; SLĐT BXH, SVHTT, STTTT, SGDĐT, SDL, Trường CĐKG, SNV; Ban Dân tộc (để báo cáo)
- ĐHDA1, ĐHDA2, KHTH, KT (để theo dõi);
- BGĐ BQL (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, ntmthao.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Bùi Phước Châu**

## PHỤ LỤC 1

### TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

#### 1. Lĩnh vực Y tế:

- 1) Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng đang trình thẩm định phê duyệt thiết kế thi công - dự toán.
- 2) Trung tâm y tế huyện Giang Thành đang thực hiện điều chỉnh dự án.
- 3) Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường đang thực hiện thi công và xử lý phần móng.
- 4) Đầu tư thiết bị, phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang đang thực hiện việc lắp đặt thiết bị.

#### 2. Lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội:

- 1) Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang đang thực hiện thi công sàn lầu 01
- 2) Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm Phú Quốc đang hoàn thiện sơn ngoài, lắp kính cửa đi, khung kính cố định, bê tông sân nền, lát gạch trong nhà... Đang hoàn thiện và trình phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện đấu thầu thiết bị.

#### 3. Lĩnh vực Văn hóa thể thao

- 1) Trung tâm triển lãm văn hoá nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hoá tỉnh (Bảo tàng tỉnh) đang thực hiện thi công phần móng.
- 2) Dự án Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020 đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và đang trình điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

#### 4. Lĩnh vực Du lịch

- 1) Dự án Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Thuận – mộ chị Sứ) đang thực hiện thi công.
- 2) Dự án Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch cây Gòn (đoạn cây Gòn – kênh 14) đang thực hiện thi công.
- 3) Dự án Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo) đã có quyết định điều chỉnh dự án và đang trình điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

#### 5. Lĩnh vực Nội vụ

- 1) Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang đã lựa chọn được nhà thầu thi công xây dựng.

#### 6. Ban dân tộc tỉnh

- 1) Cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại Chùa thứ Ba, đang xin chủ trương điều chỉnh dự án

**UBND TỈNH KIÊN GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**(TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền			Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tỷ lệ giải ngân vốn 2020 sang 2021 (%)	Tỷ lệ giải ngân vốn 2021 (%)
		Số, ngày, tháng, năm	TMBT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
			Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG</b>	0	2.843.917	2.056.022	35.062	345.234	7.728	0	7.290	48.400	32.456	49.500	-	2,11
1	Y TẾ	-	2.209.074	1.551.179	26.186	210.000	3.383	-	3.377	34.100	26.186	31.000	-	1,61
2	LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	-	123.110	78.110	4.813	30.000	-	-	-	6.600	2.207	6.000	-	-
3	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	-	217.943	137.943	891	53.234	3.513	-	3.164	7.700	891	7.000	-	5,94
4	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	-	694	694	68	-	-	-	-	-	68	-	-	-
5	GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	-	52.065	47.065	1.476	-	-	-	-	-	1.476	-	-	-
6	DU LỊCH	-	127.453	127.453	-	50.000	654	-	589	-	-	4.000	-	1,18
7	CAO ĐẲNG KIÊN GIANG	-	108.378	108.378	1.628	-	-	-	-	-	1.628	-	-	-
8	SỞ NỘI VỤ	-	5.200	5.200	-	2.000	178	-	160	-	-	1.500	-	8,00
	<b>CỘNG A + B + C + D + E</b>	-	2.843.917	2.056.022	35.062	345.234	7.728	-	7.290	48.400	32.456	49.500	-	-
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	0	214.326	209.326	7.546	2.000	178	0	160	0	4.940	1.500	0	0
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT	0	2.457.138	1.719.243	27.516	250.000	6.896	0	6.541	42.900	27.516	39.000	0	0
C	VỐN ĐẤT	0	127.453	127.453	0	50.000	654	0	589	0	0	4.000	0	0
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	-	45.000	0	0	43.234	0	0	0	5.500	0	5.000	0	0
E	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	-	0	0	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0
F	VỐN SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	0	45.000	45.000	0	40.873	0	0	0	0	0	0	0	0

Tổng hợp 1

11/1/2021

**UBND TỈNH KIÊN GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**(LĨNH VỰC Y TẾ)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMBT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG</b>				2.209.074	1.551.179	26.186	210.000	3.383		3.377	34.100	26.186	31.000		
<b>A</b>	<b>VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>				30.342	30.342	1.131	0	0	0	0	0	1.131	0		
1	Mua sắm thiết bị khám và điều trị cho các bệnh viện tuyến huyện và Trung tâm Kiểm nghiệm	TT	2018-2020	2439, 31/10/2018	30.342	30.342	1.131	-	-	-	-	-	1.131	-	Trả nợ QT	
<b>B</b>	<b>VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b>				2.178.732	1.520.837	25.055	210.000	3.383	0	3.377	34.100	25.055	31.000		
1	Bệnh viện Ung Bướu	RG	2011-2017	2085, 22/9/2011; 212, 23/01/2017;	822.369	164.474	2.718	-	-	-	-	-	2.718	-	Trả nợ QT	
2	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	UMT	2017-2020	2279, 30/10/2017	190.000	190.000	-	30.000	26		23	-	-	-	Trình thẩm định phê duyệt TK - DT	
3	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	GT	2017-2020	2280, 30/10/2017	160.000	160.000	-	30.000	-	-	-	-	-	-	Đang ĐC DA	
4	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	RG	2019-2023	2433, 31/10/2018	761.195	761.195	-	50.000	30	-	27	1.100	-	1.000	Thi công và xử lý phần móng	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMBT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
5	Đầu tư thiết bị, phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	RG	2019-2021	2486, 31/10/2019	245.168	245.168	22.337	100.000	3.327	-	3.327	33.000	22.337	30.000	Đang lắp đặt	
C	VỐN ĐẤT															
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU															
E	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ															



**UBND TỈNH KIÊN GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**CHUYÊN NGÀNH DÂN DUNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**(LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMDT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>TỔNG CỘNG</b>					123.110	78.110	4.813	30.000	0		0	6.600	2.207	6.000		
<b>A VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>					18.341	18.341	3.287	0	0	0	0	0	681	0		
1	Nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc Sở Lao động TBXH tỉnh KG	RG	2018-2020	312, 30/10/2017; 423, 07/11/2019	9.341	9.341	2.606	-	-	-	-	-	-	-	Đang điều chỉnh dự toán trình phê duyệt	
2	Mở rộng trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú	GR	2018-2020	324/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018;	9.000	9.000	681	-	-	-	-	-	681	-	Chi trả tiền bồi hoàn GPMB	
<b>B VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b>					59.769	59.769	1.526	10.000	0	0	0	1.100	1.526	1.000	0	
1	Đài tưởng niệm liệt sĩ huyện Kiên Hải	KH	2015-2017	465, 29/10/2014; 422, 15/9/2016	12.100	12.100	449	-	-	-	-	-	449	-	Trả nợ QT	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường trung cấp nghề Tân Hiệp	TH	2018-2020	326/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018	9.669	9.669	509	-	-	-	-	-	509	-	Trả nợ QT	
3	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	GQ	2019-2020	338/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018	3.000	3.000	66	-	-	-	-	-	66	-	Trả nợ QT	



STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMDT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
4	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ Phú Quốc	PQ	2019-2020	198/QĐ-BQLKKTQP, 16/10/2018; 118, 03/6/2019	10.000	10.000	502	-	-	-	-	-	502	-	Trả nợ QT	
5	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	RG	2019-2021	2435/QĐ-UBND, 31/10/2018	25.000	25.000	-	10.000	-	-	-	1.100	-	1.000	Thi công sàn lầu 01	
C	VỐN ĐẤT															
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU				45.000	0		20.000	0		0	5.500		5.000		
1	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm	PQ	2017-2020	270/QĐ-BQLKKTQP, 31/10/2017	45.000	-	-	20.000	-	-	-	5.500	-	5.000	Đang hoàn thiện	
E	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ															

**UBND TỈNH KIÊN GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**(LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSĐP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>TỔNG CỘNG</b>					217.943	137.943	891	53.234	3.513	0	3.164	7.700	891	7.000		
<b>A VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>					0	0	24	0	0	0	0	0	24	0		
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	RG	2018-2020	2283, 30/10/2017			24						24			Đang thi công phần móng
<b>B VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b>					217.943	137.943	867	30.000	3.513	0	3.164	7.700	867	7.000		
1	Trung tâm VH TT huyện Gò Quao	GQ	2017-2019	2467, 31/10/2016	16.999	16.999	157	-	-	-	-	-	157	-		Trả nợ QT
2	Trung tâm VH TT huyện Giồng Riềng	RG	2018-2020	218/QĐ-SKHĐT, 11/9/2017	9.900	9.900	444	-	-	-	-	-	444	-		Trả nợ QT
3	Trung tâm VH TT huyện Tân Hiệp	TH	2018-2020	331/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017;	9.200	9.200	120	-	-	-	-	-	120	-		Trả nợ QT
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	RG	2019-2020	2434, 31/10/2018	49.616	49.616	-	10.000	-	-	2	-	-	-		Đã PD TKTC - Đang trình ĐC KHLCNT
5	Trùng tu tôn tạo di tích Tháp 04 sư liệt sĩ (giai đoạn 2)	CT	2019-2021	369, 28/10/2019	2.228	2.228	146	-	-	-	-	-	146	-		Trả nợ QT



STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
6	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	RG	2018-2020	2283, 30/10/2017	130.000	50.000		20.000	3.513	-	3.162	7.700	-	7.000	Đang thi công phần móng	
C	<b>VỐN ĐẤT</b>															
D	<b>VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU</b>							23.234	0	0	0	0	0	0		
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	RG	2018-2020	2283, 30/10/2017				23.234	-	-	-	-	-	-		
E	<b>VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ</b>															

**UBND TỈNH KIÊN GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020**  
**(LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMBT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG</b>				694	694	68	0	0	0	0	0	68	0		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH															
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				694	694	68	0	0	0	0	0	68	0		
1	Công trình Bia tưởng niệm các chiến sĩ giao liên và thông tin tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang)	RG	2020	384, 30/10/2019	694	694	68	-	-	-	-	-	68	-	Trả nợ QT	
C	VỐN ĐẤT															
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU															
E	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ															



**UBND TỈNH KIÊN GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**(LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMDT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSĐP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG</b>				52.065	47.065	1.476	0	0	0	0	0	1.476	0		
<b>A</b>	<b>VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>				52.065	47.065	1.476	0	0	0	0	0	1.476	0		
1	Trường THCS Bình An, huyện Châu Thành	CT	2018-2019	2287/QĐ-UBND, 30/10/2017	23.490	23.490	370	-	-	-	-	-	370	-	Trả nợ QT	
2	Trường THCS Hòn Heo (Trường PTCS Sơn Hải) huyện Kiên Lương (Đối ứng NH NNPTNT Tài trợ)	KL	2018-2019	186/QĐ-SKHĐT, 25/6/2020;	14.990	9.990	288	-	-	-	-	-	288	-	Trả nợ QT	
3	Trường THPT UMT	UMT	2018-2020	145/QĐ-SKHĐT, 8/6/2020	13.585	13.585	818	-	-	-	-	-	818	-	Trả nợ QT	
<b>B</b>	<b>VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b>															
<b>C</b>	<b>VỐN ĐẤT</b>															
<b>D</b>	<b>VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU</b>															
<b>E</b>	<b>VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ</b>															



**UBND TỈNH KIÊN GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**(LĨNH VỰC DU LỊCH)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG</b>				127.453	127.453	0	50.000	654	0	589	0	0	4.000		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	VỐN ĐẤT				127.453	127.453	0	50.000	654	0	589	0	0	4.000		
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận - mộ Chị Sứ)	HD	2.020	2505, 31/10/2019	59.453	59.453	-	20.000	470	-	423	-	-	2.000	Đang thực hiện	
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch cây gòn (Đoạn Cây Gòn - Kênh 14)	UMT	2.020	2503, 31/10/2019	38.000	38.000	-	20.000	184	-	166	-	-	2.000	Đang thực hiện	
3	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn đường UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cổng Hòn Quéo)	HD	2020	2504, 31/10/2019	30.000	30.000	-	10.000	-	-	-	-	-	-	Đã có QĐ ĐC dự án. Đang trình ĐC KHLCNT	
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU															
E	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ															

UBND TỈNH KIÊN GIANG  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021  
(LĨNH VỰC CAO ĐẲNG KIÊN GIANG)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG</b>				108.378	108.378	1.628	0	0	0	0	0	1.628	0	-	
<b>A</b>	<b>VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>				108.378	108.378	1.628	0	0	0	0	0	1.628	0		
1	ĐT XD Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020.	RG	2016-2020	2582, 30/10/2015	60.178	60.178	1.141	-	-	-	-	-	1.141	-	Trả nợ QT	
2	ĐT XD Trường CĐ cộng đồng Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020.	RG, CT	2016-2020	2585, 30/10/2015; 1490, 29/6/2016	48.200	48.200	487	-	-	-	-	-	487	-	Trả nợ QT	
<b>B</b>	<b>VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b>															
<b>C</b>	<b>VỐN ĐẤT</b>															
<b>D</b>	<b>VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU</b>															
<b>E</b>	<b>VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ</b>															



UBND TỈNH KIÊN GIANG  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021  
(LĨNH VỰC NỘI VỤ)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG</b>				5.200	5.200	0	2.000	178	0	160	0	0	1.500		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				5.200	5.200	0	2.000	178	0	160	0	0	1.500		
1	Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	RG-KG		2264, 29/10/2012; 800, 3/4/2017	5.200	5.200	-	2.000	178	-	160	-	-	1.500	Tạm ứng hợp đồng thi công	Ủy thác QLDA
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU															
E	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ															

**UBND TỈNH KIÊN GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**(BAN DÂN TỘC TỈNH)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công 2021		Thực hiện từ đầu năm đến 15/4/2021			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021			Tiến độ triển khai tháng 04	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát		Giá trị KLHT	Giá trị cấp phát			
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP				CN 2020 sang 2021	KHV 2021		CN 2020 sang 2021	KHV 2021		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG CỘNG</b>				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU															
E	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ															
F	VỐN SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG				45.000	45.000	0	40.873	0	0	0	0	0	0		
1	Cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại Chùa thứ ba	AB-KG	2019-2023	305, 10/02/2020	45.000	45.000	-	40.873	-	-	-	-	-	-		Ủy thác QLDA